

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 01 - 2019.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Đặng Quốc Cần

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 447/2018/TLST -HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị Mỹ T, sinh năm 1990. Địa chỉ ấp N, xã H, huyện R, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Anh Danh H, sinh năm 1990. Địa chỉ ấp N, xã H, huyện R, tỉnh G.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2017, nguyên đơn chị Thị Mỹ T trình bày:**

Chị và anh H đi đến hôn nhân là do mai mối, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới năm 2008 và đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh G.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị không phù hợp tính ý. Nguyên nhân chính là do bản tính anh H quá cộc cằn thô lỗ, thiếu tôn trọng người khác, kể cả cha mẹ ruột chị T.

Vì thương các con nên chị có khuyên nhủ và cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi và có thái độ bất kính với cha mẹ ruột chị, nghiêm trọng hơn có lần anh dùng dao đâm mẹ chị. Do đó, chị và anh H đã ly thân kể từ năm 2017 đến nay. Vì những lý do nêu trên, chị xét không thể tiếp tục sống với anh được nên yêu cầu ly hôn với anh Danh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Danh Quốc Đ, sinh ngày 05/10/2009 và Danh Phước K, sinh ngày 14/7/2014. Hiện các con đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 08/01/2019 bị đơn anh Danh H trình bày:** Anh và chị T đi đến hôn nhân là do mai mối, có thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì chị T đòi đi làm thuê nhưng anh không đồng ý vì sợ chị T cực khổ và muốn chị ở nhà lo cho các con nhưng chị T không nghe lời anh nên xảy ra cãi vã. Do tức giận nên anh có đánh chị T một tát tay vì lúc này trong người anh có rượu nên anh không kiềm chế được. Từ đó, anh và cha mẹ vợ có xảy ra mâu thuẫn chỉ vì hôn nhân giữa anh chị.

Anh chị đã ly thân kể từ tháng 01/2017 đến nay. Do nhà anh và nhà cha mẹ ruột chị T cách gần nhau nên dù anh chị ly thân nhau nhưng các con vẫn qua lại với anh, khi đi làm có tiền anh vẫn lo cho các con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Danh Quốc Đ sinh ngày 05/10/2009 và Danh Phước K, sinh ngày 14/7/2014. Hiện các con đang sống với chị T.

Đối với yêu cầu của chị T, ý kiến anh như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị T và mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Trường hợp, Tòa án cho ly hôn thì anh xin được quyền nuôi dưỡng 01 cháu và giao quyền cho chị T nuôi dưỡng 01 cháu. Nếu giải quyết cho chị T được quyền nuôi dưỡng 02 cháu thì anh không phải cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H; Yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Anh Danh H tư cách là bị đơn, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã H, huyện R, tỉnh G nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh G nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ khi kết hôn anh chị sống chung không hạnh phúc và có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi cãi vã anh H có đánh chị T một tát tay. Anh H còn có biểu hiện bất kính với mẹ chị Tranh, cụ thể anh có hành vi dùng dao đâm mẹ chị T. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân kể từ tháng 01/2017 đến nay.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị Mỹ T được ly hôn anh Danh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh H cùng xác định có 02 con chung là Danh Quốc Đ, sinh ngày 05/10/2009 và Danh Phước K, sinh ngày 14/7/2014. Hiện các con đang sống với chị T nên việc chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con là phù hợp điều kiện sinh hoạt và phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh H đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007354 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 59, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thị Mỹ T được ly hôn với anh Danh H.

2. Về con chung: Giao cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Danh Quốc t, sinh ngày 05/10/2009 và Danh Phước K, sinh ngày 14/7/2014.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh H đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007354 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị T đã nộp đủ án phí theo quy định.

Báo cho chị T sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 23/01/2019. Báo cho anh H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhân:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã, phường (tt);
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh